TÒA ÁN ND QUẬN LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/DS-ST
Ngày 08 tháng 7 năm 2021
V/v Tranh chấp"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
****
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trương Thị Hồng Thủy**

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trương Thị Mỹ Hạnh** – Ông **Phạm Hồng Quang.**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu – thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Phương Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021 tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/DSST-QĐ ngày 01.6.2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐ-DSST ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Kim Ph** – sinh năm 1956. Trú tại: Số 39 Dương Lâm, phường Nại Hiên Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà *Đinh Thị Như Ph* – sinh năm 1995. Địa chỉ: Xã Tam Thành, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ liên hệ: Số K93/4 Trưng Nữ Vương, phường Bình Hiên, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng *(Theo giấy ủy quyền lập ngày 26.01.2021 tại Phòng công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng)*. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà *Lê Thị Xuân Ph* – Sinh năm 1976 - Luật sư Công ty luật TNHH Một thành viên KPK – Chi nhánh Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 71 Trần Xuân L , phường Hòa Kh , quận Thanh Kh , thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Bị đơn**: Bà **Nguyễn Thị T** – Sinh năm 1960 và bà **Nguyễn Thị Thùy Nh** – Sinh năm1985. Cùng trú tại: K86/H8/38 Nguyễn Huy T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện gởi đến Tòa án ngày 28.12.2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22.02.2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, bà Đinh Thị Như Ph là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết trong công việc làm ăn nên bà Nguyễn Thị Thùy Nh nhận dịch vụ làm giấy tờ nhà đất cho con trai bà Trần Thị Kim Ph với phí thù lao dịch vụ là 89.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền và hồ sơ giấy tờ đất thì bà Nhung không thực hiện được công việc như hai bên thỏa thuận nên bà Phương yêu cầu bà Nhung trả lại số tiền 89.000.000đồng và hồ sơ giấy tờ kèm theo. Đến ngày 09.6.2017 bà Phương và bà Nhung lập bản cam kết thỏa thuận nội dung: Bà Nhung xác nhận còn nợ của bà Phương số tiền 89.000.000 đồng và đã trả cho bà Phương số tiền 20.000.000 đồng, số tiền còn lại là 69.000.000đồng bà Nhung cam kết trả mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 30 hàng tháng *(Tức là đồng ý cho bà Nhung trả số tiền 69.000.000 đồng thành 14 kỳ, mỗi kỳ trả 5.000.000đồng, cụ thể ngày 30.6.2017 là kỳ đầu tiền và đến ngày 30.7.2018 là kỳ thanh toán cuối cùng (trả số tiền 4.000.000đồng)*. Việc cam kết này, ngoài bà Phương, bà Nhung còn có bà Nguyễn Thị T *(là mẹ ruột của bà Nhung)* tham gia cam kết sẽ cùng với bà Nhung trả tiền cho bà Phương theo thỏa thuận nêu trên. Việc bà Tuyết nhận trách nhiệm cùng bà Nhung trả nợ thì bà Nhung, bà Phương đều biết và đồng ý. Tuy nhiên, từ ngày ký cam kết thỏa thuận bà Nhung, bà Tuyết không trả, đến ngày 29.9.2017, bà Tuyết trả cho bà Phương được 2.500.000đồng, từ đó đến nay mặc dù bà Phương đã nhiều lần gọi điện thoại, gặp trực tiếp để yêu cầu bà Nhung, bà Tuyết thực hiện cam kết nhưng không nhận được thiện chí trả tiền. Do đó, bà Trần Thị Kim Ph khởi kiện buộc bà Tuyết và bà Nhung trả số tiền nợ gốc là 68.750.000đồng và nợ lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính từ ngày 28.11.2017 đến ngày khởi kiện *(ngày 28.12.2020)* là 20.900.000đồng.

Tại đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa, bà Trần Thị Kim Ph thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Do sai sót trong quá trình tính toán nên bà Phương thay đổi yêu cầu trả số tiền nợ gốc từ 68.750.000đồng còn 66.500.000đồng và yêu cầu bà Nhung và bà Tuyết phải trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính trên số tiền nợ gốc với mức lãi 10%/năm, cụ thể: Từ ngày 28.11.2017 đến ngày 07.8.2021 là 43 tháng 10 ngày là 24.011.357đồng được tính như sau:

- Tiền lãi của 43 tháng = 66.500.000đồng x (10%/12 tháng) x 43 tháng = 23.829.166 đồng.

- Tiền lãi của 10 ngày = 66.500.000đồng x (10%/365 ngày) x 10 ngày = 182.191 đồng.

Tổng số tiền bà Phương yêu cầu bà Nhung và bà Tuyết phải trả là 90.511.357 đồng, trong đó nợ gốc là 66.500.000đồng và nợ lãi là 24.011.357 đồng.

Việc bà Nguyễn Thị Thùy Nh và bà Nguyễn Thị T có ý kiến xin chỉ một mình bà Tuyết thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì bà Phương không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy Nhung: Tòa án đã triệu tập hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, Tại bản tự khai ngày 27.5.2021 đơn trình bày gửi đến Tòa án ngày 19.5.2021 bà Nhung trình bày:* Vào năm 2016, qua giới thiệu của bạn bè nên bà Nhung quen biết với bà Trần Thị Kim Ph. Theo đó, bà Phương nhờ bà Nhung làm dịch vụ nhà đất liên quan đến hồ sơ của con trai bà Phương với giá 89.000.000đồng. Tuy nhiên, trong quá trình làm giấy tờ nhà đất bà Nhung phát hiện có sự gian dối từ phía bà Phương nên đã từ chối làm và chấm dứt giao dịch đã thỏa thuận từ trước với bà Phương. Do đó, ngày 09.6.2017 giữa bà Nhung và bà Phương có lập Bản cam kết thỏa thuận với nội dung bà Nhung đồng ý trả lại số tiền 89.000.000đồng đã nhận của bà Phương và tại buổi cam kết bà Nhung đã trả cho bà Phương số tiền 20.000.000đồng. Số tiền còn lại là 69.000.000đồng, trả mỗi tháng 5.000.000đồng, vào ngày 30 hàng tháng cho đến khi hết nợ. Tại buổi cam kết này, có sự tham gia của bà Nguyễn Thị T *(Là mẹ ruột của bà Nhung)* ký cam kết cùng con gái trả số nợ còn lại cho bà Phương theo sự thỏa thuận nêu trên. Đến ngày 29.9.2017, bà Tuyết đã trả cho bà Phương được 2.500.000đồng số tiền còn lại là 66.500.000đồng. Nay bà Phương khởi kiện yêu cầu trả bà Nhung và bà Tuyết trả tiền thì do hoàn cảnh khó khăn nên bà Nhung nhờ bà Tuyết trả nợ thay và bà Tuyết sẽ chịu trách nhiệm trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho bà Phương theo quy định.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết: Tòa án đã triệu tập hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, đơn trình bày gửi đến Tòa án ngày 19.5.2021 bà Tuyết trình bày:* Bà Tuyết thừa nhận vào ngày 09.6.2017, có ký vào bản cam kết thỏa thuận giữa bà Trần Thị Kim Ph và con gái tên Nguyễn Thị Thuỳ Nhung để cùng con trả cho bà Phương số tiền 69.000.000đồng, mỗi tháng trả 5.000.000đồng vào ngày 30 hàng tháng. Đến ngày 29.9.2017, bà Tuyết đã trả cho bà Phương được 2.500.000đồng số tiền còn lại là 66.500.000đồng. Từ ngày 29.9.2017 đến nay, bà Tuyết và bà Nhung không có tiền để trả theo cam kết thỏa thuận. Nay bà Phương khởi kiện, thì bà Tuyết xin bà Phương cho trả thay cho con (bà Nhung) toàn bộ số tiền mà bà Phương khởi kiện tại Tòa án Liên Chiểu.

** Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét

xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự; Riêng bị đơn chưa thực hiên đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 và 234 Bộ luật tố tụn dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 280; 282, 288, 357, 468 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim Ph về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy Nh và bà Nguyễn Thị T phải liên đới thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 66.500.000đồng và nợ lãi là 24.011.357 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Kim Ph khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân quận Liên Chiểu giải quyết về quan hệ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền với với bà Nguyễn Thị Thùy Nh và bà Nguyễn Thị T; Cùng trú tại số H86/H8/38 Nguyễn Huy Tưởng, tổ 114 phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thùy Nh và bà Nguyễn Thị T mặc đã được Toà án nhân dân quận Liên Chiểu triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định Điều khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy Nh và bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền nợ gốc là 66.500.000đồng và nợ lãi tính từ ngày 28/11/2017 đến ngày xét xử *(ngày 08/7/2021)* là 24.011.357 đồng:

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn bà Trần Thị Kim Ph cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: Một bản chính "Bản cam kết thỏa thuận" lập ngày 09.6.2017, ký tên Nguyễn Thị Thùy Nhung, nội dung: *Có nợ của bà Trần Thị Kim Ph số tiền 89.000.000đồng về khoản nhận dịch vụ làm giấy tờ cho bà Phương, tôi đã trả cho bà Phương số tiền 20.000.000đồng, số tiền còn lại là 69.000.000đồng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 30 hàng tháng.* Tại bản cam kết này có ký tên và chữ viết của bà Nguyễn Thị Tuyết, nội dung: *Cam kết cùng con gái có trách nhiệm hàng tháng trả 5.000.000đồng cho bà Phương*; Một bản chính "Giấy nhận trả tiền", ký tên Nguyễn Thị T, nội dung: *Bà*

Nguyễn Thị T có nhận trả số nợ tiền 69.000.000đồng nhưng mỗi tháng 5.000.000đồng vào ngày 30 hàng tháng. Ngày 29.9.2017 có trả 2.500.000đồng cho bà Phương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy Nh và bà Nguyễn Thị T thừa nhận bà Nhung là người trực tiếp nhận tiền làm dịch vụ nhà đất từ bà Trần Thị Kim Ph và là người lý vào "Bản cam kết thỏa thuận" thể hiện bà sẽ trả lại toàn bộ số tiền còn lại là 69.000.000đồng cho bà Phương và trả mỗi tháng 5.000.000đồng vào ngày 30 hàng tháng. Khi lập bản cam kết bà Nguyễn Thị T (là mẹ ruột bà Nhung) cũng tham gia ký và cam kết cùng con gái (tức bà Nhung) trả khoản nợ này với phân kỳ nêu trên và thực tế ngày 29.9.2017 bà Tuyết đã trả được số tiền 2.500.000đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nhung và bà Tuyết thỏa thuận để cho bà Tuyết nhận trách nhiệm trả thay cho bà Nhung các khoản tiền do bà Phương khởi kiện tại Tòa án nhưng tại phiên tòa bà Phương không chấp nhận. Bà Phương căn cứ vào Bản cam kết thỏa thuận lập ngày 09.6.2017 và Giấy nhận trả tiền ngày 29.9.2017 yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thùy Nh và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 66.500.000đồng và nợ lãi tính từ ngày 28/11/2017 đến ngày xét xử (ngày 08/7/2021) là 24.011.357 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch dân sự giữa bà Trần Thị Kim Ph với bà Nguyễn Thị Thùy Nh, bà Nguyễn Thị T hoàn toàn hợp pháp bởi các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện tham gia giao dịch. Bà Nhung và bà Tuyết đã thừa nhận cùng nhau có trách nhiệm trả nợ cho bà Phương nhưng lại vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên việc bà Trần Thị Kim Ph khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị Thùy Nh, bà Nguyễn Thị T liên đới thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 66.500.000 là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 280, 288 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Khi cam kết thỏa thuận, bà Nguyễn Thị Thùy Nh, bà Nguyễn Thị T hẹn mỗi tháng trả 5.000.000đồng vào ngày 30 hàng tháng mặc dù khi cam kết trả tiền các bên không thỏa thuận tính lãi nhưng như đã phân tích nêu trên, bà Nhung, bà Tuyết đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đã phát sinh lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Mặt khác, mức lãi bà Phương yêu cầu áp dụng là 10%/năm là không vượt quá mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy, bà Trần Thị Kim Ph yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ thời điểm chậm trả là từ ngày 28/11/2017 đến ngày xét xử sở thẩm là 24.011.357 đồng là có cơ sở, không trái quy định về mức lãi suất cũng như thời gian tính lãi trên khoản tiền bà Nhung, bà Tuyết vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên được chấp nhận.

[3] Đối với việc bà Nguyễn Thị Thùy Nh, bà Nguyễn Thị T xin để cho bà Tuyết trả một mình trả toàn bộ số nợ trên thay cho bà Nhung nhưng bà Trần Thị Kim Ph không đồng ý. Do đó, không đủ điều kiện của việc chuyển giao nghĩa vụ theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự nên buộc bà Nguyễn Thị Thùy Nh, bà

Nguyễn Thị T phải liên đới trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi như nêu trên là phù hợp.

[4] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về nợ gốc:

Trong đơn khởi kiện cũng như trong lời khai ban đầu của mình bà Trần Thị Kim Ph yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy Nhung, bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ gốc là 68.750.000 đồng. Tuy nhiên, tại đơn trình bày gửi Tòa án ngày 06.7.2021 cũng như tại phiên tòa bà Phương chỉ yêu cầu trả nợ gốc là 66.500.000 đồng. Việc bà Phương xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, căn cứ vào điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trả số tiền 68.750.000 đồng - 66.500.000 đồng = 2.250.000đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Trần Thị Kim Ph được chấp nhận nên bị đơn - bà Nguyễn Thị Thùy Nhung, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của khoản tiền này. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tóa án thì bà Nguyễn Thị Thùy Nhung, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 90.511.357 đồng x 5% = 4.525.567 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào các Điều 274, 275, 280, 288, 375, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tóa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim Ph đối với bà Nguyễn Thị Thùy Nh, bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị Thùy Nh, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Trần Thị Kim Ph số tiền 90.511.357 *(Chín mươi triệu, năm trăm mười một ngàn, ba trăm năm mươi bảy đồng)*, trong đó: Nợ gốc là 66.500.000đồng và nợ lãi: 24.011.357 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu số tiền 2.250.000đồng *(Hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng*) của bà Trần Thị Kim Phương.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 4.525.567 đồng *(Bốn triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn, năm trăm sáu mươi bảy đồng)* bà Nguyễn Thị Thùy Nhung, bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hồng Thủy